

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rọc N, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị D trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn H đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 13/02/2004. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, ông H có quen người phụ nữ khác và thường xuyên kiếm chuyện nên dẫn đến cự cãi với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, khi vợ chồng bà sống ly thân thì bà về ấp 5, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, còn ông H sống tại ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Bà D thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 21/7/2004, giới tính: nữ và Nguyễn Thị Cẩm B, sinh ngày 29/5/2012, giới tính: nữ. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi con chung.

Nay bà D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Cẩm B, sinh ngày 29/5/2012, giới tính: nữ. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 21/7/2004, giới tính: nữ đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về cấp dưỡng*: Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Vợ chồng bà D không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà D là đúng sự thật về việc tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và các con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng có phát sinh vài mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng, vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay bà D nộp đơn ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn chưa trầm trọng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung tên Nguyễn Thị Cẩm B có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng và bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn con chung tên Nguyễn Thị Thúy A đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà D và ông H có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà D nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông H có nhiều mâu thuẫn, ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên uống rượu chửi bới, có hành vi đe dọa đánh đập bà, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà D và ông H đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà D yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Thị Cẩm B, sinh ngày: 29/5/2012, giới tính: nữ, bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận vì: từ khi bà D và ông H ly thân thì bà D là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Cẩm B và cháu Cẩm B có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ chăm sóc do đó bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Cẩm B là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Còn con chung Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày: 21/7/2004, giới tính: nữ đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H trú tại ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn H không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Nay ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông H là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, ông H quen người phụ nữ khác nên vợ chồng mất lòng tin với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, việc sống ly thân có chính quyền địa phương xác nhận. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D với ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà D và ông H có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 21/7/2004, giới tính: nữ và Nguyễn Thị Cẩm B, sinh ngày 29/5/2012, giới tính: nữ. Bà D có nguyện vọng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Thị Cẩm B.

Xét thấy: Bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đảm bảo tốt về mọi mặt, bà D có thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu Cẩm B có nguyện vọng sống chung với bà D nên giao cho bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cẩm B là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 21/7/2004, giới tính: nữ đủ tuổi trưởng thành, có thể sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Cẩm B, sinh ngày 29/5/2012, giới tính: nữ.

Ông Nguyễn Văn H không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Văn H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000352 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng